SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẠC THÀNH

Số: 395 /QĐ-BVHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẠC THÀNH

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng bộ Y tế Quy định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-BVHT ngày 15/10/2026 của Bệnh viện Đa

khoa Hạc Thành về việc phê duyệt nguồn vốn, danh mục, số lượng, giá dự kiến gói thầu Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026;

Căn cứ tờ trình Số: 07.2026/TTr-KHLCNT ngày 15/10/2026 của Tổ Xây dựng kế hoạch LCNT, về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm: "Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026", theo các nội dung chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Tổ Xây dựng KHLCNT chủ trì, phối hợp với Hội đồng Thuốc và Điều trị và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ Xây dựng KHLCNT, Hội đồng Thuốc và Điều trị, các khoa, phòng, ban chức năng của Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 QĐ;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẠC THÀNH

Lê Tiến Toàn

Phụ lục I
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026

(Kèm theo Quyết định số:395 /QĐ-BVHT ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc bệnh viện đa khoa Hạc Thành

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu								
1	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành	Gói thầu thuốc generic: Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026	Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026	1.703.779.300	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác.	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	Tối đa 30 ngày kể từ ngày bắt đầu chào giá.	Quý 4, năm 2026	Theo đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
2	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành	Gói thầu thuốc biệt dược gốc: Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026	Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026	179.515.000							
3	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành	Gói thầu thuốc dược liệu: Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026	Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026	100.200.000							
	Tổng giá các gói thầu			**1.983.494.300**		**1.983.494.300**					

(Bằng chữ Một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn ba trăm đồng)./.
[kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]

Phụ lục II

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Danh mục các mặt hàng: Mua thuốc bổ sung lần 4 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 3395 /QĐ-BVHT ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc bệnh viện đa khoa Hạc Thành)

1. Gói Thuốc Generic (29 mặt hàng)

1.703.779.300

STT	Mã thuốc	STT Thông tư 20/2022	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Nồng độ/ Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch	Thành tiền
1	G1	672	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	4	Uống	2,5g; 250mg; 250mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	100.000	**1.918**	191.800.000
2	G2	226	Azithromycin	4	Uống	250mg	Viên	Viên	5.000	**3.549**	17.745.000
3	G3	1005	Calci carbonat	4	Uống	625mg	Viên	Viên	80.000	**1.393**	111.440.000
4	G4	991	Calci clorid	4	Tiêm	0,5g/5ml	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	100	**826**	82.600
5	G5	292	Ciclopiroxolamin	4	Thuốc dùng ngoài	200mg/ 20g	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	100	**52.500**	5.250.000
6	G6	233	Ciprofloxacin	4	Uống	500mg	Viên	Viên	30.000	**528**	15.840.000
7	G7	101	Desloratadin	4	Uống	2,5mg/5ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	500	**32.833**	16.416.500
8	G8	553	Digoxin	1	Tiêm/tiêm truyền	0,5mg/2ml	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	50	**30.000**	1.500.000
9	G9	553	Digoxin	4	Uống	0,25mg	Viên	Viên	500	**818**	409.000
10	G10	247	Doxycycline	4	Uống	100mg	Viên	Viên	10.000	**633**	6.330.000
11	G11	7	Fentanyl	5	Tiêm/tiêm truyền	0,5mg/10ml	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	50	**28.000**	1.400.000
12	G12	45	Ketoprofen	1	Thuốc dùng ngoài	30g	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	200	**49.833**	9.966.600
13	G13	984	Magnesi aspartat + kali aspartat	4	Uống	140mg + 158mg	Viên	Viên	40.000	**1.356**	54.240.000
14	G14	994	Magnesi sulfat	4	Tiêm/tiêm truyền	1,5g/10ml	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	10	**2.900**	29.000
15	G15	755	Methyl prednisolon	2	Tiêm/tiêm truyền	40mg	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	8.000	**28.333**	226.664.000
16	G16	16	Morphin	4	Tiêm	10mg (dạng muối)/1ml	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	300	**8.925**	2.677.500
17	G17	56	Paracetamol (acetaminophen)	1	Tiêm truyền	1g/100ml	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	6.000	**24.500**	147.000.000
18	G18	56	Paracetamol (acetaminophen)	3	Uống	250mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	500	**1.621**	810.500
19	G19	21	Propofol	1	Tiêm/tiêm truyền	1%, 20ml	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	200	**65.593**	13.118.600
20	G20	545	Ramipril	2	Uống	10mg	Viên	Viên	45.000	**4.300**	193.500.000
21	G21	740	Silymarin	1	Uống	90mg	Viên	Viên	60.000	**3.528**	211.680.000
22	G22	1029	Vitamin B6 + magnesi lactat	2	Uống	5mg + 470mg	Viên	Viên	8.000	**396**	3.168.000

STT	Mã thuốc	STT Thông tư 20/2022	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Nồng độ/ Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch	Thành tiền
23	G23	222	Metronidazol + neomycin + nystatin	4	Đặt âm đạo	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Viên đặt âm đạo	Viên	10.000	**2.047**	20.470.000
24	G24	13	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	1	Tiêm	Lidocaine Hydrochloride 36mg; Epinephrine 0,018mg	Thuốc tiêm (dùng trong nha khoa)	Ống	5.000	**15.723**	78.615.000
25	G25	72	Piroxicam	4	Uống	20mg	Viên	Viên	50.000	**1.386**	69.300.000
26	G26	427	Alfuzosin HCl	4	Uống	5mg	Viên	Viên	50.000	**4.967**	248.350.000
27	G27	131	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	4	Tiêm/tiêm truyền	1,4%/250ml	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ	30	**32.000**	960.000
28	G28	283	Oseltamivir	1	Uống	75mg	Viên	Viên	1.000	**44.877**	44.877.000
29	G29	653	lobitridol	1	Tiêm	Iodine 30g/100ml (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml); lọ 50ml	Tiêm	Chai/Lọ	30	**338.000**	10.140.000

2.Gói Thuốc Biệt dược gốc (2 mặt hàng) **179.515.000**

STT	Mã thuốc	STT Thông tư 20/2022	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nhóm thuốc	Đường dùng	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch	Thành tiền
30	B1	583	Crestor 20mg hoặc tương đương	Rosuvastatin	BDG	Uống	20mg	Viên	Viên	**5.000**	**14.903**	74.515.000
31	B2	962	Ventolin Inhaler hoặc tương đương	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	BDG	Xịt theo đường miệng	100mcg/liều xịt	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình	1.000	**105.000**	105.000.000

3.Gói Thuốc dược liệu (01 mặt hàng) **100.200.000**

STT	Mã thuốc	STT theo TT 05/2015	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
32	CP1	69	Mã tiền chế, Độc hoạt, Xuyên khung, Tế tân, Phòng phong, Quế chi, Hy thiêm, Đỗ trọng, Đương quy, Tần giao, Ngưu tất.	3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Túi	30.000	**3.340**	100.200.000

Tổng giá trị dự toán (1 + 2 +3) : 1.983.494.300 VNĐ

Bằng chữ: Một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn ba trăm đồng.